

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DSST
Ngày: 25-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Chiến.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số 40-42-44 PHT, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K.

Ông Lê Trung V ủy quyền cho: Bà Phan Ngọc B, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh R – Phòng giao dịch H.

Bà Phan Ngọc B ủy quyền cho: Bà Nguyễn Thị Thúy V2, chức vụ: Chuyên viên KHCN Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh R – Phòng giao dịch H.

Địa chỉ: Số 171, đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (Giấy ủy quyền ngày 30/3/2023).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 và bà Lâm Kim C, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, đường G, Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Bà V2 có mặt, ông T vắng mặt, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C có vay của Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh R – Phòng giao dịch H hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1322802/HĐTD-CC ngày 14/02/2022 số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay mua bán, ngày giải ngân 14/02/2022, thời hạn vay 90 ngày từ ngày 15/02/2022 đến ngày 16/5/2022, lãi suất trong hạn 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, hình thức thanh toán là trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 15/02/2022 đến ngày 16/5/2022, số tiền trả mỗi ngày 277.750 đồng, ngày cuối là 280.250 đồng.

Tài sản cầm cố bao gồm: Xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 68H-155.16, số máy JF63E2438058, số khung 6316KZ007706, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001689 do Công an thành phố H cấp ngày 23/5/2019. Kể từ ngày vay đến nay, ông T và bà C chỉ thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng được 27 ngày từ ngày 15/02/2022 đến ngày 14/3/2022 nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 15/6/2022, ông T và bà C còn nợ số tiền 18.776.081 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm tám mươi một đồng),

trong đó: Nợ gốc là 17.500.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 690.417 đồng, nợ lãi quá hạn 584.914 đồng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà C phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng, ngoài ra, ông T và bà C phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 15/6/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản cầm cố để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/4/2023, bị đơn bà Lâm Kim C trình bày:

Khoản tiền vay của Ngân hàng do con bà C là Nguyễn Văn T đứng vay Ngân hàng TMCP K và bà C ký vào hợp đồng với tư cách người thừa kế, bà C thống nhất số tiền nợ mà Ngân hàng kiện đòi trả là 18.776.081 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm tám mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 17.500.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 690.417 đồng, nợ lãi quá hạn 584.914 đồng. T đã bỏ đi cùng chiếc xe cầm cố từ mùa dịch Covid-19 đến nay không có thông tin liên lạc gì. Bản thân bà C đã già và không có khả năng trả nợ một lần, xin Ngân hàng cho trả chậm mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1322802/HĐTD-CC ngày 14/02/2022 (bản phô tô chứng thực); Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 14/02/2022 (bản phô tô chứng thực); Giấy CCCD tên Nguyễn Văn T, Lâm Kim C (bản phô tô chứng thực); Sổ hộ khẩu chủ hộ tên Lâm Kim C (bản phô tô chứng thực); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 148 ngày 16/12/2021 của UBND phường P (bản phô tô chứng thực); Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001689, BKS 68H1-155.16 đứng tên Nguyễn Văn T (bản phô tô

chứng thực); Bảng kê tính lãi theo hợp đồng khách hàng Nguyễn Văn T (bản chính).

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C phải có trách nhiệm thanh toán nợ tổng cộng 22.494.913 đồng, trong đó: Nợ gốc là 17.500.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 690.417 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 4.303.746 đồng. Đồng thời buộc ông T và bà C phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Xin rút lại yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, đồng ý trả giấy đăng ký xe mô tô khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C đều vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn cả gốc và lãi là 22.494.913 và lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ. Đình chỉ yêu cầu xử lý

tài sản cầm cố, ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý trả giấy đăng ký xe mô tô khi bị đơn thanh toán dứt nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C có nơi cư trú tại Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn bà Lâm Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 68H-155.16, số máy JF63E2438058, số khung 6316KZ007706, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001689 do Công an thành phố H cấp ngày 23/5/2019 cho Nguyễn Văn T đứng tên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A1322802/HĐTD-CC ngày 14/02/2022 và Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 14/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh R – Phòng giao dịch H với ông Nguyễn Văn T. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần rút yêu cầu trên.

[4] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày

của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định giữa Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh R – Phòng giao dịch H với ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C có xác lập hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố vào ngày 14/02/2022, số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay mua bán, thời hạn vay 90 ngày từ ngày 15/02/2022 đến ngày 16/5/2022, lãi suất trong hạn 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, hình thức thanh toán là trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 15/02/2022 đến ngày 16/5/2022, số tiền trả mỗi ngày 277.750 đồng, ngày cuối là 280.250 đồng. Tài sản cầm cố bao gồm: Xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 68H-155.16, số máy JF63E2438058, số khung 6316KZ007706, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001689 do Công an thành phố H cấp ngày 23/5/2019. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự. Hai bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm cho khoản vay là cầm cố chiếc xe mô tô phù hợp quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”. Khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất như sau: “1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng ...”. Do ông T và bà C vi phạm kỳ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông T và bà C phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/5/2023), ông T và bà C còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 22.494.913 đồng, trong đó: Nợ gốc là 17.500.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 690.417 đồng, nợ lãi quá hạn 4.303.746 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà C phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP K. Đồng thời buộc ông T và bà C phải tiếp tục trả

khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý trả bản chính Giấy đăng ký xe mô tô số 001689 do Công an thành phố H cấp ngày 23/5/2019 cho Nguyễn Văn T đứng tên cho bị đơn khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: 22.494.913 đồng x 5% = 1.125.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 309, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng cộng là 22.494.913 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 17.500.750 đồng; nợ lãi trong hạn 690.417 đồng, nợ lãi quá hạn 4.303.746 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ghi nhận việc Ngân hàng TMCP K đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001689 do Công an thành phố H cấp ngày 23/5/2019 cho Nguyễn Văn T đứng tên khi ông T và bà C thanh toán dứt nợ.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 68H-155.16, số máy JF63E2438058, số khung 6316KZ007706, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001689 do Công an thành phố H cấp ngày 23/5/2019 cho Nguyễn Văn T đứng tên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Kim C phải chịu án phí số tiền 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 469.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000723 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGT,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng